

Bản án số: 17/2022/DS-ST

Ngày: 14-6-2022

V/v “*Tranh chấp về đòi lại di sản  
thừa kế là quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Tấn Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Văn Rô

2. Ông Trần Văn Nước

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa:***  
ông Trương Thanh H, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 173/2017/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp về đòi lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2022/QĐHPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 21, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn Q, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1/4D Bà T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C:  
Luật sư Tạ Minh T, Luật sư Công ty Luật TNHH Ocean Stars Lawyers (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1/4D Bà T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Trần Thiên P sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 21, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

- Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 80, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền của bà L và bà H: Ông Dương Văn Q, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim H: Luật sư Tạ Minh T, Luật sư Công ty Luật TNHH Ocean Stars Lawyers (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1/4D Bà T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Thu B, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2017; ngày 07 tháng 11 năm 2017; đơn xin bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2017 của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu C; đơn yêu cầu độc lập ngày 07 tháng 12 năm 2017 của bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Kim H; lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Kim H là ông Dương Văn Q trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:*

Trước năm 1975, ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1930 (chết năm 2016) quê Trà Vinh ra Đà Nẵng và sống chung với bà Kim Thị Cần (sinh năm 1945 (Chết năm 2014) có chung 03 người con gồm ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1966, bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969.

Sau đó, ông Nguyễn Văn M quay về quê sinh sống tại xã Long Hữu, huyện Duyên Hải (nay là xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải), tỉnh Trà Vinh. Thời gian sau (không xác định rõ thời gian), bà Cần và 03 người con của bà Cần có vào sống chung với ông M nhưng do cuộc sống khó khăn nên bà Cần dẫn 03 người con về Đà Nẵng sống.

Lúc còn sống, ông Nguyễn Văn M có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất gồm: thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, huyện Duyên Hải (nay là thị xã Duyên Hải), tỉnh Trà Vinh và được Uỷ Bn nhân dân

huyện Duyên Hải (nay là thị xã Duyên Hải), tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/9/1999.

Vào ngày 17/7/2016, khi ông Nguyễn Văn M mất, anh em của ông C có nhờ người cháu là ông Trần Thiên P làm thủ tục khai tử cho ông M tại Ủy Bn nhân dân xã Long Hữu. Mặc khác, vào tháng 2/2017 ông Trần Thiên P lợi dụng lúc anh em ông C quay về Đà Nẵng đã xuất trình giấy Di chúc lập ngày 10/7/2009 và cho rằng ông M đã cho toàn bộ tài sản của ông M là quyền sử dụng đất mà ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hoàn tất thủ tục khai nhận di sản thừa kế, được Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải cập nhật biến động ngày 13/02/2017. Thủ tục khai nhận di sản thừa kế có xác nhận của Ủy Bn nhân dân xã Long Hữu.

Ông C, bà H, bà L và người đại diện theo uỷ quyền là ông Q cho rằng chữ viết và chữ ký trong Di chúc lập ngày 10/7/2009 có dấu hiệu giả mạo chữ ký của ông M. Nội dung tờ di chúc chỉ thể hiện ông P được quyền sử dụng 03 thửa đất trên. Và việc ông P làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế do ông M để lại là trái pháp luật. Vì vậy, ông Nguyễn Hữu C C, bà Nguyễn Thị Kim H, bà bà Nguyễn Thị Kim L và người đại diện theo uỷ quyền là ông Dương Văn Q yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Tuyên huỷ Di chúc lập ngày 10/7/2009;

- Công nhận quyền thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L đối với đất tại thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải được Ủy Bn nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M vào ngày 27/9/1999.

- Buộc ông Trần Thiên P trả lại cho ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim H, bà bà Nguyễn Thị Kim L 03 thửa đất gồm: thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên toà, ông Dương Văn Q còn yêu cầu Toà án huỷ xác nhận biến động vào ngày 13/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

*Theo bị đơn ông Trần Thiên P trình bày trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên toà như sau:*

Ông Nguyễn Văn M là em ruột của bà nội ông Trần Thiên P nên ông P gọi ông M là ông cậu. Do ông M sống một mình nên ông P sống chung với ông M từ lúc ông P được 05 tuổi (khoảng năm 1984). Hai ông cháu sống chung cho đến khi

ông M chết vào ngày 17/7/2016.

Ngày 27/9/2009, Ủy Bn nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn M gồm ông Nguyễn Văn M và ông Trần Thiên P tại thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Khi ông M còn sống có lập di chúc để lại toàn bộ 03 thửa đất trên cho ông. Cho nên sau khi ông M chết thì ông đã làm thủ tục nhận thừa kế toàn bộ 03 thửa đất trên. Ông Trần Thiên P cho rằng lúc ông M còn sống thì những người con của ông M là ông C, bà H, bà L không nuôi và chăm sóc ông M. Vì vậy, ý kiến của ông Trần Thiên P là không đồng ý giao trả đất tại thửa 635, thửa 637, thửa 649, cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo yêu cầu của ông C, bà H, bà L.

*Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thu B trình bày trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa như sau:*

Bà là em ruột của ông Trần Thiên P nên gọi ông Nguyễn Văn M là ông cậu. Khi còn sống ông M có cho bà miếng đất chiều ngang là khoảng 5,0m để bà cất nH. Miếng đất này là thuộc thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Bà sử dụng đất này từ năm 2013 đến nay. Vì vậy, ông C, bà H, bà L là con của ông M đòi lại phần đất ông M đã cho bà thì bà không đồng ý. Đối với miếng đất bà được ông M cho thì sau này ông P có tách thửa sang tên cho bà hay không thì do ông P quyết định. Bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án do Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải thì ranh đất theo hiện trạng sử dụng trùng với ranh theo tư liệu đo đạc năm 2010, cụ thể như sau:

- Thửa 30, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.500m<sup>2</sup> theo tư liệu đo đạc năm 2010 (Nhằm chiết thửa 637, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.500m<sup>2</sup> theo tài liệu đo đạc năm 1991) loại đất: Lúa. Đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

- Thửa 70, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.998,9m<sup>2</sup> theo tư liệu đo đạc năm 2010, (Nhằm chiết thửa 649, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.310m<sup>2</sup>, loại đất ĐRM (tuy nhiên thửa 649 diện tích đo đạc lại thực tế là 1.458,9m<sup>2</sup>, việc thửa 649 tăng 148,9m<sup>2</sup> là do chênh lệch giữa hai tài liệu đo đạc năm 1991 và năm 2010; chiết thửa 635, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.540m<sup>2</sup> theo tài liệu đo đạc năm 1991), loại đất: T-LN. Đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

Tại Công văn số 638/CNTXDH ngày 17/3/2022 của Ủy Bn nhân dân thị xã Duyên Hải khẳng định thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Thiên P

đối với thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim H, bà bà Nguyễn Thị Kim L là Luật sư Tạ Minh T trên cơ sở phân tích các quy định của pháp luật liên quan đến hình thức và nội dung của tờ di chúc lập ngày 10/7/2009 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho rằng di chúc lập ngày 10/7/2009 là không hợp pháp. Do đó, thủ tục biến động ngày 13/02/2017 tại thửa 635, thửa 637, thửa 649, cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải là không đúng quy định pháp luật. Đối với di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn M để lại, trên cơ sở phân tích các quy định của pháp luật liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án quan điểm luật sư cũng cho rằng đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn M mà không phải là tài sản chung của hộ ông Nguyễn Văn M. Từ đó Luật sư đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim H, bà bà Nguyễn Thị Kim L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự, Luật sư đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

- + Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa xét xử đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Thông báo về việc thụ L vụ án số: 173/TB-TLVA ngày 16/11/2017 và Theo Thông báo về việc thụ L vụ án số: 173A/TB-TLVA ngày 02/01/2018 của Tòa án có xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất*”. Tuy nhiên, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim

H, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp về đòi lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất*”.

[2] Về chứng cứ trong vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo uỷ quyền của đương sự, Luật sư thống nhất không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu Tòa án xác minh, lấy lời khai ai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xét xử vụ án.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C, yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Tại phiên toà ông Trần Thiên P, bà Trần Thị Thu B đều thống nhất ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L là con ruột của ông Nguyễn Văn M và bà Kim Thị Cần.

Về nguồn gốc đất tranh chấp thuộc thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim H, ông Dương Văn Q, ông Trần Thiên P và bà Trần Thị Thu B đều trình bày thống nhất và thừa nhận nguồn gốc đất tại thửa 635, thửa 637 và thửa 649 là do ông Nguyễn Văn M được cho.

Tại Công văn số 1666/UBND-NC ngày 27/7/2021 của Uỷ Bn nhân dân thị xã Duyên Hải thể hiện tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn M thì Uỷ Bn nhân dân thị xã Duyên Hải không xác định được hộ ông Nguyễn Văn M gồm có ai. Tại Công văn số: 136/CATX ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Công an thị xã Duyên Hải cung cấp thông tin như sau: Qua tra cứu tàng thư hộ khẩu số 1108 lập ngày 22 tháng 11 năm 1998 do ông Nguyễn Văn M làm chủ hộ; Đăng ký thường trú tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh gồm có hai nhân khẩu: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1930 và ông Trần Thiên P, sinh năm 1979.

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: hộ ông Nguyễn Văn M được Uỷ Bn nhân dân huyện Duyên Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh vào ngày 27/9/1999. Tại phiên toà, bị đơn ông Trần Thiên P cho rằng các thửa đất là tài sản chung của hộ ông Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn M lúc còn sống cũng không có khiếu nại hay phản đối việc cấp Uỷ Bn nhân dân huyện Duyên Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn M. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Trần Thiên P đã trên 18 tuổi, được quyền có tài sản riêng theo quy định của pháp luật. Như vậy, căn cứ quy định tại Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995 thì quyền sử dụng đất tại thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng

tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh là tài sản chung của hộ ông Nguyễn Văn M.

Đối với Tờ di chúc lập ngày 10/7/2009, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- **Về mặt hình thức:** Di chúc được lập tHnh văn bản có người làm chứng là ông Bùi Văn Riêu và ông Nguyễn Văn Tre (đã chết). Những người làm chứng này không phải là người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của ông Nguyễn Văn M. Cũng không phải là người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc. Ngoài ra, đối với ông Huỳnh Phong Lưu mặc dù thay mặt Bn nhân dân ấp 12 xác nhận vào di chúc theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn M nhưng trước khi xác nhận ông Lưu cũng đã kiểm tra và biết nội dung di chúc đúng với ý C của ông Nguyễn Văn M. Vì vậy, ông Lưu cũng có thể xem là người làm chứng đối với việc lập di chúc của ông Nguyễn Văn M.

- **Về người lập di chúc:** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim H, người đại diện theo uỷ quyền là ông Dương Văn Q và Luật sư Tạ Minh T đều cho rằng chữ ký trong di chúc không phải là của ông Nguyễn Văn M ký ra. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án có lấy lời khai của ông Trương Văn Quờn, ông Nguyễn Văn Hùng thì ông Quờn và ông Hùng cho rằng chữ ký trong tờ di chúc ngày 10/7/2009 không phải là chữ ký của ông M. Tuy nhiên lời khai của ông Quờn và ông Hùng là chưa có cơ sở khẳng định là đúng. Vì vậy, Toà án nhân dân thị xã Duyên Hải đã 02 lần trưng cầu giám định chữ ký của ông M trong tờ di chúc. Tại Kết luận giám định số: 128/KLGD ngày 13/5/2019 và Kết luận giám định số: 272/KLGD ngày 10/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh đều kết luận: *“Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn M trong tờ di chúc ngày 10/7/2009 so với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn M trên tài liệu mẫu có phải do cùng một người ký, viết ra hay không”*. Như vậy, chữ ký mang tên Nguyễn Văn M trong tờ di chúc ngày 10/7/2009 có thể là của ông Nguyễn Văn M hoặc có thể không phải là của ông Nguyễn Văn M. Tuy nhiên, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại lời khai của ông Nguyễn Phong Lưu xác nhận có việc ông Nguyễn Văn M lập di chúc để lại tài sản cho ông Trần Thiên P vì ông M có gặp trực tiếp ông Lưu. Ông Lưu cũng có xác nhận vào di chúc thể hiện ông Nguyễn Văn M lúc lập di chúc còn minh mẫn, tinh táo. Từ đó có căn cứ xác định nội dung trong di chúc là ý C của ông Nguyễn Văn M. Tại thời điểm lập di chúc (ngày 10/7/2009), ông Nguyễn Văn M đã tHnh niên, không bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được Hnh vi của mình. Vì vậy, việc ông Nguyễn Văn M lập di chúc để lại tài sản của mình cho ông Trần Thiên P là quyền của cá nhân đối với tài sản, thể hiện đúng ý C của ông Nguyễn Văn M và không trái pháp luật hay đạo đức xã hội nên cần được tôn trọng và ghi nhận.

- **Về nội dung của di chúc:** Tại Điều 109 Bộ luật dân sự năm 2005 có quy định như sau: *“Các tHnh viên của hộ gia đình chiếm hữu và sử dụng tài sản chung của hộ theo phương thức thoả thuận. Việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất, tài*

*sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các tHnh viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý; đối với các loại tài sản chung khác phải được đa số tHnh viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý*”. Từ quy định này cho thấy mặc dù nguồn gốc đất tại thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh là của ông Nguyễn Văn M nhưng các thửa đất này đã trở tHnh tài sản chung của hộ ông Nguyễn Văn M gồm ông Nguyễn Văn M và ông Trần Thiên P kể từ khi Ủy Bn nhân dân huyện Duyên Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ngày 27/9/1999. Vì vậy, theo quy định ông Nguyễn Văn M có quyền lập di chúc để lại tài sản của ông cho người khác nhưng tài sản mà ông M có quyền lập di chúc là ½ quyền sử dụng đất tại thửa 635, thửa 637, thửa 649, cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Việc ông M thể hiện ý C để lại toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 635, thửa 637, thửa 649, cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh là vượt quá quyền định đoạt của ông, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của ông Trần Thiên P. Tuy nhiên, người được ông Nguyễn Văn M lập di chúc cho thừa hưởng toàn bộ đất tại thửa 635, thửa 637, thửa 649, cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh cũng là ông Trần Thiên P. Ông P cũng không phản đối việc ông M lập di chúc để lại toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 635, thửa 637, thửa 649, cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Mặc khác, sau khi ông Nguyễn Văn M chết vào ngày 17/7/2016, ông Trần Thiên P đã lập thủ thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa 635, thửa 637, thửa 649, cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh từ ông Nguyễn Văn M và được Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải xác nhận biên động vào ngày 13/02/2017. Tại Công văn số: 638/UBND-NC ngày 17/3/2022 của Ủy Bn nhân dân thị xã Duyên Hải cũng thể hiện việc thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Thiên P tại thửa 635, thửa 637, thửa 649, cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải huỷ một phần di chúc lập ngày 10/7/2009 của ông Nguyễn Văn M.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C, yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Kim H là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Kim H mặc dù là con ruột của ông Nguyễn Văn M nhưng không có công sức đóng góp, giữ gìn, cải tạo là, tăng giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh nên Hội đồng xét xử không xem xét công sức đóng góp.

[5] Đối với bà Trần Thị Thu B đang sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 273,0m<sup>2</sup> thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2010 (Chiết thửa



649, tờ bản đồ số 2 theo tư liệu đo đạc năm 1991) do bà Thu B không có yêu cầu. Ông P và bà Thu B cũng không tranh chấp nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Do nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L không được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và toàn bộ yêu cầu độc lập nên nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Hữu C được trừ tiền án phí phải chịu vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 4.050.000 đồng theo Biên lai số 0012085 ngày 13/11/2017 và số 0011966 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu C Tiền tạm ứng án phí còn dư là 3.750.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L được trừ tiền án phí phải chịu vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0011967 ngày 21/12/2017 và số 0011968 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Như vậy, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ án phí.

Bị đơn ông Trần Thiên P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu B không phải chịu án phí.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản, chi phí giám định: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C; toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L không được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 3.239.741 đồng, chi phí định giá tài sản là: 300.000 đồng, chi phí giám định là 900.000 đồng. Trong đó, ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là:  $\frac{1}{3} \times 3.239.741$  đồng = 1.079.913 đồng, chi phí định giá tài sản là:  $\frac{1}{3} \times 300.000$  đồng = 100.000 đồng, chi phí giám định là  $\frac{1}{3} \times 900.000$  đồng = 300.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Thiên P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu B không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, chi phí giám định.

Ông Nguyễn Hữu C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng là 12.020.087 đồng (13.500.000 đồng – 1.479.913 đồng). Trong đó, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu C số tiền là 9.060.259 đồng. Số tiền còn lại 2.959.826 đồng, ông Nguyễn Hữu C được nhận sau khi bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Kim H thực hiện nghĩa vụ nộp tiền phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí giám định tại cơ quan thi hành án dân sự theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 161, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ các Điều 109, 631, 634, 646, 647, 648, 649, 650, 652, 656, 667 của Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ Điều 166, 643, 644 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Hữu C; không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Kim về các yêu cầu sau:

- Tuyên huỷ Di chúc lập ngày 10/7/2009;

- Công nhận quyền thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L đối với đất tại thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh được Ủy Ban nhân dân huyện Duyên Hải (nay là thị xã Duyên Hải), tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn M vào ngày 27/9/1999.

- Buộc ông Trần Thiên P trả lại cho ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L 03 thửa đất gồm: thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Huỷ xác nhận biến động vào ngày 13/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup>; cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Trần Thiên P được tiếp tục quản lý, sử dụng đất tại thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup>; thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup>; thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup> (diện tích đo thực tế là 1.458,9m<sup>2</sup>); cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có xác nhận biến động của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/02/2017 tại trang 4.

Kích thước, tứ cận đất tại thửa 637, diện tích 2.500m<sup>2</sup> (ký hiệu A); thửa 635, diện tích 1.540m<sup>2</sup> (ký hiệu B); thửa 649, diện tích 1.310m<sup>2</sup> (diện tích đo thực tế là 1.458,9m<sup>2</sup>, ký hiệu C, D, F), cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số:

08/CN-TXDH ngày 04/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (kèm theo Bản án).

**3.** Đối với bà Trần Thị Thu B đang sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 273,0m<sup>2</sup> thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu đo đạc năm 2010 (Chiết thửa 649, tờ bản đồ số 2 theo tư liệu đo đạc năm 1991) do bà Thu B không có yêu cầu. Ông P và bà Thu B cũng không tranh chấp nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Hữu C được trừ tiền án phí phải chịu vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 4.050.000 đồng theo Biên lai số 0012085 ngày 13/11/2017 và số 0011966 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu C Tiền tạm ứng án phí còn dư là 3.750.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L được trừ tiền án phí phải chịu vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0011967 ngày 21/12/2017 và số 0011968 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Như vậy, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ án phí.

Bị đơn ông Trần Thiên P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu B không phải chịu án phí.

**5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí giám định:**

Buộc ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị Kim L mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 1.079.913 đồng, chi phí định giá tài sản là: 100.000 đồng, chi phí giám định là 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Hữu C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng còn dư là 12.020.087 đồng. Trong đó, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu C số tiền là 9.060.259 đồng. Số tiền còn lại 2.959.826 đồng, ông Nguyễn Hữu C được nhận sau khi bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Kim H thực hiện nghĩa vụ nộp tiền phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí giám định tại cơ quan thi hành án dân sự theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Trần Thiên P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu B không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, chi phí giám định.

**6.** Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, bị đơn ông Trần Thiên P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Trần Thị Thu B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

*thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Tấn Thanh**